TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 83/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

P, ngày 15 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

Về nuôi con: Chị H, anh D thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phương N, sinh năm 07/01/2003 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H đối với anh D cho đến khi có yêu cầu.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn anh D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về con chung là cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 07/07/2000 đã trên 18 tuổi chị H, anh D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Chị H, anh D tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Chị H và anh D đều xác định vợ chồng không có.

2.5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Hai bên đương sự đều nhất trí việc chị H tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, chị H đề nghị được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000834 ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung